

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 22/2021/HNGĐ-ST

Ngày 24 - 5- 2021

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Long.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trịnh Thị Oanh.

2. Ông Nguyễn Ngọc Huỳnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Vỉnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Nguyên – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 05 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2021/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2021 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2021/QĐST – HNGĐ ngày 05 tháng 05 năm 2021 giữa:

+ Nguyên đơn: Chị Lương Thị N, sinh năm: 1990 (Vắng mặt có đơn xin vắng).

Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện B, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi tạm trú: Khu phố A, phường C, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

+ Bị đơn: Anh Trần Văn G, sinh năm: 1990 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 1, xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lương Thị N trình bày:

Chị và anh Trần Văn G sau một thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau tự nguyện thì quyết định tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận kết hôn số 02, quyển số 01/2011 ngày 05/11/2011. Trong quá trình chung sống với nhau vợ chồng anh chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng rất hay cãi vã, xúc phạm danh dự nhân phẩm lẫn nhau. Do mâu thuẫn quá trầm trọng nên từ năm 2012 cho đến nay vợ chồng anh chị đã sống ly thân, ai biết bổn phận người đó không quan tâm chăm sóc gì nhau nữa. Đến tháng 3 năm 2020 chị đã làm đơn khởi kiện về việc xin ly hôn với anh Trần Văn G tại Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc nhưng sau đó có rút đơn khởi kiện. Xét thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được và không còn cơ hội quay về đoàn tụ nên chị N lại làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh G.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Trần Duy T, sinh ngày 16/11/2010 hiện đang sống với chị. Nguyên vọng của chị N là xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và chị không yêu cầu anh G phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn anh Trần Văn G đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thu thập được bản tự khai cũng như không tiến hành hòa giải được.

Tại biên bản xác minh ngày 12 tháng 3 năm 2021, đại diện Ban tự quản, thôn 1, xã V và cán bộ phụ trách trẻ em xã V cho biết: Trong quá trình chung sống tại địa phương vợ chồng chị N, anh G có xảy ra mâu thuẫn và anh chị không còn chung sống với nhau nữa.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký Tòa án, hội đồng xét xử (HĐXX) và nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn không chấp hành quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Cho chị Lương Thị N ly hôn với anh Trần Văn G; Giao cháu Trần Duy T cho chị Lương Thị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện của chị Lương Thị N, Toà án nhân dân huyện Krông Pắc xác định quan hệ pháp luật đang tranh chấp là “*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung*” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Lương Thị N khởi kiện xin ly hôn anh Trần Văn G có nơi cư trú tại Thôn 1, xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của BLTTDS, Toà án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Nguyên đơn chị Lương Thị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Trần Văn G đã được Toà án nhân dân huyện Krông Pắc triệu tập đến phiên toà để xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 BLTTDS, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị N và anh Trần Văn G có đăng kí kết hôn tại UBND xã V theo giấy chứng nhận kết hôn số 02, quyển số 01/2011 ngày 05/11/2011, quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh G là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn không hợp tính nhau, từ đó thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau. Do không thể tiếp tục chung sống nên vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay, không còn quan tâm chăm sóc đến nhau. Theo kết quả xác minh của chính quyền địa phương cho thấy vợ chồng chị N và anh G chung sống không hạnh phúc và đã không chung sống với nhau được hơn 8 năm. Chị N đã từng làm đơn đến Tòa án để xin được ly hôn nhưng sau đó chị đã tự nguyện rút đơn để về đoàn tụ, nuôi dạy con cái nhưng vẫn không có kết quả. Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh G đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật

hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị N về việc ly hôn với anh G là có cơ sở pháp luật.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Trần Duy T. Nguyên vọng của chị N là xin được nuôi dưỡng cháu T cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, cháu T đã trên 7 tuổi và nguyên vọng của cháu cũng xin được ở với mẹ. Theo kết quả xác minh tại địa phương thì anh G không có nghề nghiệp ổn định, trong khi đó chị N hiện nay đang làm công nhân thu nhập hàng tháng khoảng gần 8.000.000đ (Tám triệu đồng) có thu nhập ổn định, có đầy đủ mọi điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, mặt khác hiện nay cháu Trần Duy T đang được chị N chăm sóc tốt. Việc giao con cho ai nuôi dưỡng sau khi bố mẹ ly hôn cần phải đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, từ khi vợ chồng anh chị sống ly thân cho đến nay chị N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T, hiện nay cháu T có nguyên vọng ở với mẹ và bản thân chị N có nguyên vọng xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu. Do vậy, HĐXX căn cứ các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, giao cháu **Trần Duy T** cho chị Lương Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến lúc cháu T đủ 18 tuổi là phù hợp, đảm bảo đúng quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị N là có cơ sở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Lương Thị N phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Xét thấy quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận toàn bộ ý kiến của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị N.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị N được ly hôn với anh Trần Văn G.

- Về con chung: Giao cháu Trần Duy T, sinh ngày 16/11/2010 cho chị Lương Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Anh Trần Văn G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung: Chị Lương Thị N không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Lương Thị N phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm số tiền này được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai số AA/2019/0017747 ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Nguyên đơn chị Lương Thị N, bị đơn anh Trần Văn G được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- THADS huyện K;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND xã V;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Long

